TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-PT
Ngày 10 - 9 - 2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2025/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*". Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2025/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2025/QĐ-PT, ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị K, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là: Ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Thái Thị K: Luật sư Trần Ngọc T, Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V; Địa chỉ văn phòng: số A, đường A, khóm F, phường T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là: Ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thái Văn M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là: Ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Thu C1, sinh năm 1970, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1963 (có yêu cầu độc lập), vắng mặt.

4. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1961 (có yêu cầu độc lập), có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Nay là: Ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long)

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D; Trụ sở công ty: Số B B, KDC I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, người đại diện theo pháp luật là ông Võ Khánh H- Giám đốc công ty, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị K trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Qua mai mối, bà K và ông Nguyễn Minh C tiến tới hôn nhân, cả hai có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (cũ) được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/5/2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023 thì bà nộp đơn yêu cầu ly hôn. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thái T1, sinh ngày 08/9/2006 và Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 23/02/2010, hiện tại các con đang sống với ông C; bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thái Bảo N, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu Bảo N mỗi tháng là 2.340.000 đồng (theo mức lương cơ sở hiện hành) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Riêng đối với con chung Nguyễn Thái T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có: Căn nhà gắn liền với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 43, diện tích 364,6m^2, tọa lạc tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, trên đất có căn nhà cấp 3 có kết cấu bêtông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole, thửa đất và căn nhà có giá trị khoảng 4,5 tỷ đồng. Bà K yêu cầu được nhận căn nhà gắn liền với thửa đất số 295 và đồng ý hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh C ½ giá trị thửa đất và căn nhà như đã thoả thuận là 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng);

Đối với 01 (Một) chiếc xà lan chở cát biển số VL-11644 có tải trọng 728,50 tấn có giá trị khoản 1.000.000.000 đồng. Bà K yêu cầu nhận ½ giá trị chiếc xà lan là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và đồng ý giao lại chiếc xà lan cho ông C quản lý, sử dụng;

Đối với 02 chiếc xe Airblade thái: Bà K và ông C mỗi người đang quản lý, sử dụng 01 chiếc xe nên không yêu cầu giải quyết. Hiện bà K đang quản lý chiếc xe Airblade biển số 64H1. 211.64.

Về phần tài sản chung chưa đòi được: Vợ chồng bà có cho bà Bùi Thị Thu C1 là dì bên chồng mượn số tiền bằng 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Nay, do không xác định được hiện bà C1 đang ở đâu nên bà K xin rút lại yêu cầu đối với việc nhận số tiền 400.000.000 đồng từ bà C1. Sau này có yêu cầu sẽ kiện lại bà C1 ở một vụ kiện khác;

Đối với số tiền ông Thái Văn M nợ vợ chồng bà số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Bà yêu cầu ông M trả cho bà và ông C mỗi người là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của ông C về việc yêu cầu chia ½ số tiền 5.070.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng), ông C yêu cầu bà K giao lại cho ông C số tiền 2.535.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng): Bà K không đồng ý với các yêu cầu phản tố của ông C, do trong quá trình chung sống, giữa bà và ông C có tạo lập tài khoản chung dùng để mua đất, xây dựng nhà ở, chi tiêu gia đình, nuôi con ăn học.. v.v.. Tài khoản này được tạo lập chung của 02 vợ chồng nên có quá trình giao dịch chuyển tiền vào và rút ra đều được sự thống nhất của vợ chồng. Do hết hạn gửi tiết kiệm nên bà rút ra và gửi tiền lại theo kỳ hạn khác, phía ông C cộng dồn các khoản tiền gửi tiết kiệm là không đúng. Những khoản tiền theo sao kê trước năm 2023 vợ chồng bà đã dùng vào việc mua đất, xây dựng nhà (mua vật liệu xây dựng, công thợ, trang trí nội thất); đưa cho mẹ chồng là bà Bùi Thị B số tiền là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); trả nợ thay cho bà C1 số tiền 800.000.000 đồng mục đích để bà C1 xóa thế chấp và chuyển nhượng thửa của bà C1 cho vợ chồng bà nhưng không thực hiện được. Ngoài ra, bà còn đưa thêm cho Luật sư số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất của bà C1 nhưng không thành và trả tiền mua xà lan cho mẹ chồng là bà B nhiều lần với số tiền 1 tỷ đồng, cho ông M mượn số tiền 70.000.000 đồng. Đến năm 2024 bà K gửi tiết kiệm là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đến hạn rút ra sau đó đáo hạn lại nên gửi lại 400.000.000 đồng. Sau dịch bệnh, bà rút ra 150.000.000 đồng nên trong tài khoản còn lại 250.000.000 đồng, số tiền này dùng lo cho con ăn học và bản thân hết, hiện không còn.

Về nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 12/11/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C thống nhất như bà K trình bày. Do bất đồng quan điểm sống nên cả hai đã ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà K yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thái T1, sinh ngày 08/9/2006 và Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 23/02/2010, ông thống nhất theo nguyện vọng của con. Ông đồng ý giao con chung Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 23/02/2010 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Bảo N mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi Bảo N đủ 18 tuổi. Riêng đối với con chung Nguyễn Thái T1 sinh ngày 08/9/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có:

Căn nhà gắn liền với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 43, diện tích 364,6m^2 tọa lạc tại xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, trên đất có căn nhà cấp 3 có kết cấu bêtông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole, thửa đất và căn nhà có giá trị khoảng 4,5 tỷ đồng. Ông đồng ý giao nhà và đất cho bà K được hưởng toàn bộ. Ông yêu cầu nhận lại ½ giá trị thửa đất và căn nhà như đã thoả thuận là 2.250.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Đối với 01 chiếc xà lan chở cát biển số VL-11644 có tải trọng 728,50 tấn có giá trị khoản 1.000.000.000 đồng. Ông C đồng ý thối lại cho bà K ½ giá trị xà lan như đã thoả thuận là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ông C yêu cầu nhận chiếc xà lan.

Đối với 02 chiếc xe Airblade thái: Ông C không yêu cầu chia tài sản chung là 02 chiếc xe Airblade. Ông đang quản lý chiếc xe Airblade biển số 64F1.268.25.

Về phần tài sản chung chưa đòi được: Ông C yêu cầu ông Thái Văn M trả lại số tiền 35.000.000 đồng. Đối với phần tiền 800.000.000 đồng của bà C1 nợ ông không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này và sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác khi tìm gặp được bà C1.

Ông C yêu cầu chia ½ số tiền 5.070.000.000 đồng (Năm tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng) mà bà K đang quản lý, yêu cầu bà K giao lại cho ông C số tiền 2.535.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng). Bà K nhận số tiền 2.535.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Về nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu yêu cầu độc lập ngày 02/01/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L có bà Bùi Thị B đại diện theo ủy quyền và Bùi Thị B trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 02/01/2024, bà B và ông L yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K có nghĩa vụ trả cho ông L, bà B chiếc xà lan VL 11644, tải trọng 728,5 tấn, công suất 400 mã lực. Tuy nhiên, tại phiên hoà giải tại Toà án lập ngày 10/01/2025 và đơn xin rút yêu cầu độc lập ngày 10/01/2025, bà B tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, tự thỏa thuận với nguyên đơn và bị đơn.

Theo biên bản hòa giải lập ngày 08/12/2023 và ngày 12/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn M trình bày: Ông M thừa nhận có mượn số tiền 70.000.000 đồng của vợ chồng ông C và bà K. Nếu vợ chồng bà K ly hôn thì ông đồng ý trả cho vợ chồng K, C mỗi người 35.000.000 đồng. Do bận việc gia đình nên ông xin được vắng mặt khi Tòa án mời hòa giải và giải quyết vụ án.

Theo tờ cam kết lập ngày 03/10/2024 và bản tự khai lập ngày 08/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV D (gọi tắt là Công ty D) có ông Võ Khánh H đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty D có thuê 01 chiếc xà lan biển kiểm soát VL 11644, tải trọng 728,5 tấn của ông Nguyễn Minh C. Nay Tòa án xét xử lấy lại trả về cho cha mẹ ông C, Công ty không ý kiến và cam kết không khiếu nại. Do bận công việc nên ông không thể trực tiếp tham gia đối chất, phiên họp, phiên hòa giải và xét xử nên xin được vắng mặt.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2025/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Vĩnh Long) đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 33, Điều 38, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 26 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ, việc về hôn nhân và gia đình. *Tuyên xử:*

1**.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu được chia ½ số tiền 800.000.000đ ồng (T2 trăm triệu đồng) mà bà Thái Thị K và ông Nguyễn Minh C đã trả nợ thay bà Bùi Thị Thu C1 khi bà Bùi Thị Thu C1 trả lại ½ số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Thái Văn M trả cho bà Thái Thị K và ông Nguyễn Minh C mỗi người 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

3. Ông Nguyễn Minh C không yêu cầu được chia ½ số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) mà vợ chồng ông C đã trả nợ thay bà C1; Không yêu cầu ông Thái Văn M trả cho vợ chồng ông C mỗi người 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thái Thị K; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh C; Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị B, ông Nguyễn Minh L:

4.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Thái Thị K và ông Nguyễn Minh C.

4.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

4.2.1. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh C, giao cho bà Thái Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 23/02/2010 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 23/02/2010 mà không ai được quyền cản trở.

4.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thái Bảo N, sinh ngày 23/02/2010 mỗi tháng với số tiền 2.205.000 đồng/tháng (Hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

4.3. Về tài sản chung:

4.3.1. Giao cho ông Nguyễn Minh C được quyền sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 366,6m^2 loại đất ONT+CLN gồm các mốc a, b, c, d, e, 3, 4, 5, 6, 7, f, a thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 và được sở hữu các tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 3 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép 01 trệt + 01 lầu vách tường, mái lợp ngói, có trần; Căn nhà cấp 4 khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole, có trần và căn nhà cấp 4 khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole, không trần cùng các tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn trên thửa đất 295, toạ lạc ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Thái Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Trong đó có 41,8m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ Quốc lộ E).

- Buộc ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ chia cho bà Thái Thị K giá trị bằng tiền của ½ diện tích căn nhà, đất cùng các tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn trên thửa đất 295 bằng tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

4.3.2. Đối với 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn:

4.3.2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K giao cho ông Nguyễn Minh L, bà Bùi Thị B được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn, số lượng, kiểu và công suất máy chính: Cummins, N_o: 11019592; 400,0 CV, công dụng: Chở hàng khô hiện do ông Nguyễn Minh C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0038/ĐK.2022 được Sở Giao thông Vận tải tỉnh V cấp ngày 16/02/2022, số sê ri: VL000783.

4.3.2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D giao cho ông Nguyễn Minh L, bà Bùi Thị B 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn, số lượng, kiểu và công suất máy chính: Cummins, N_o:

11019592; 400,0 CV, công dụng: Chở hàng khô hiện do ông Nguyễn Minh C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0038/ĐK.2022 được Sở Giao thông Vận tải tỉnh V cấp ngày 16/02/2022, số sê ri: VL000783.

4.3.2.3. Buộc ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ chia cho bà Thái Thị K giá trị bằng tiền của ½ giá trị 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn bằng tổng số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

4.3.3. Đối với 02 chiếc xe Airblade thái biển số 64H1. 211.64 và biển số 64F1.268.25 ông C bà K tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.3.4. Chia cho ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K mỗi người được hưởng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) trong tổng số tiền gửi tiết kiệm 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) mà bà Thái Thị K đã rút hiện do bà Thái Thị K đang quản lý. Buộc bà Thái Thị K có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Minh C số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

4.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Minh L và bà Bùi Thị B có nghĩa vụ kê khai đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, ông Nguyễn Minh C kháng cáo bản án Hôn nhân sơ thẩm số: 39/2025/HNGĐ-ST ngày 14/5/2025, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần chia tài sản, cụ thể: Ông C yêu cầu được hưởng căn nhà cấp 3 gắn liền với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 43, diện tích 364,6m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, đồng ý quy giá trị nhà và đất bằng 4.500.000.000 đồng. Đồng ý cho bà K được hưởng số tiền gửi tiết kiệm vốn gốc là 5.070.000.000 đồng hiện bà K đang quản lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Trình bày của người kháng cáo: ông Nguyễn Minh C yêu cầu được rút phần kháng cáo đối với căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 295, tờ bản đồ

số 43, diện tích 364,6m^2, đồng ý quy giá trị bằng 4.000.000.000 đồng, ông sẽ nhận nhà và hoàn trả giá trị cho bà K như án sơ thẩm tuyên; đối với phần tiền gửi tiết kiệm theo 40 sổ tiết kiệm với số tiền cộng dồn bằng 5.070.000.000 đồng, ông kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà K phải giao cho ông ½ số tiền trên bằng 2.535.000.000 đồng. Tuy nhiên, vì tình nghĩa vợ chồng và vì con chung, ông C mong muốn đưa ra hướng thỏa thuận với bà K như sau: ông C sẽ nhận toàn bộ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 295 và đồng ý hoàn giá trị cho bà K số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và hoàn giá trị của ½ giá trị 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn bằng 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Tổng cộng ông C sẽ hoàn trả cho bà K bằng 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), ông không còn tranh chấp số tiền bà K gửi tiết kiệm nữa, bà K được toàn quyền sỡ hữu đối với khoản tiền tiết kiệm tranh chấp là 5.070.000.000 đồng (nếu còn), ông C không còn quyền gì đối với số tiền này.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích cho bà Thái Thị K: Qua yêu cầu kháng cáo cũng như hướng đưa ra thỏa thuận của ông C, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến như sau: Kháng cáo của ông C về việc yêu cầu chia ½ số tiền 5.070.000.000 đồng (số tiền tiết kiệm) là không có cơ sở. Bởi vì, trên thực tế không có số tiền này, đây là số tiền ban đầu gửi tiết kiệm vô và khi hết hạn thì làm thủ tục rút ra và đáo gửi lại, cho nên việc anh C lấy từng lần cộng dồn lại để yêu cầu chia là không đúng; đồng thời, trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau thì giữa chị K và anh C cũng đã sử dụng chung số tiền gửi tiết kiệm này để mua sắm vật dụng trong nhà, đưa cho bà B là mẹ của ông C, đưa cho ông M mượn, đưa cho bà C1 mượn và sử dụng trong sinh hoạt trong gia đình..v…v….đến khi vợ chồng ly thân thì chỉ còn 400.000.000 đồng như chị K thừa nhận là đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, vì tình nghĩa vợ chồng và vì con chung của ông C và bà K, ông C cũng mong muốn được thỏa thuận với bà K để giải quyết dứt điểm việc tranh chấp thì người bảo vệ cũng thống nhất và cũng khuyên bà K nên suy nghĩ để cùng nhau thỏa thuận; ý kiến của bà K là thống nhất theo hướng thỏa thuận, đồng ý nhận số tiền bằng 2.000.000.000 đồng (là giá trị hoàn căn nhà và chiếc xà lan), vợ chồng không còn tranh chấp gì nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó bị đơn ông C đồng ý hoàn trả giá trị 02 tỷ đồng để được hưởng căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 295 và chiếc xà lan (đối với sổ tiết kiệm ông không đặt ra, không tranh chấp mà để bà K được hưởng toàn bộ). Nhận thấy, việc thỏa thuận trên là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp

dụng Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng thỏa thuận nêu trên, đồng thời sửa án phí dân sự sơ thẩm phải chịu tương ứng với phần mình được hưởng (ông C và bà K mỗi người phải chịu bằng 72.000.000 đồng); về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh C làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã có làm đơn xin xét xử vắng mặt hoặc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hợp lệ hoặc không liên quan đến việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, vì tình nghĩa vợ chồng và vì con chung, ông C đã đưa ra hướng thỏa thuận với bà K, theo đó, ông C đồng ý hoàn trả giá trị 02 tỷ đồng cho bà K để được hưởng toàn bộ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 295 và chiếc xà lan. Đối với sổ tiết kiệm ông không đặt ra, không tranh chấp mà để bà K được hưởng toàn bộ; bà K đã đồng ý chấp nhận thỏa thuận theo hướng như trên, đồng ý nhận hoàn giá trị số tiền 02 tỷ đồng, từ ông C và giao cho ông C được hưởng toàn bộ căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa 295 và chiếc xà lan. Đối với sổ tiết kiệm ông C không đặt ra, không tranh chấp mà để bà K được hưởng toàn bộ.

Nhận thấy, việc thỏa thuận trên là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, công nhận kết quả thỏa thuận và sửa án theo hướng thỏa thuận nêu trên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do tại phiên toà các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại án phí sơ thẩm cho các bên phải chịu tương ứng với tài sản được hưởng, theo đó buộc ông C và bà K mỗi người phải chịu là: 36.000.000 đồng + 3% của phần vượt quá 800.000.000 đồng = 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

[5] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử sửa án theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự chứ không phải sửa án theo hướng chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì "*trường hợp đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm thì người kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm*" nên buộc ông Nguyễn Minh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005695 ngày 02/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X- Vĩnh Long); bà Thái Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi bổ sung, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận;

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2025/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực X – Vĩnh Long).

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K những nội dung cụ thể như sau:

- *Đối với nhà và đất*: Giao cho ông Nguyễn Minh C được quyền sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 366,6m^2, loại đất ONT+CLN gồm các mốc a, b, c, d, e, 3, 4, 5, 6, 7, f, a thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 và được sở hữu các tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 3 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép 01 trệt + 01 lầu vách tường, mái lợp ngói, có trần; Căn nhà cấp 4 khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, vách tường, mái tole, có trần và căn nhà cấp 4 khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch

men, vách tường, mái tole, không trần cùng các tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn trên thửa đất 295 toạ lạc ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp Đ, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) hiện do bà Thái Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Trong đó có 41,8m^2 đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ Quốc lộ E). Ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

(*Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất của Trung Tâm K1 lập ngày 21/8/2024 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 02/10/2024*);

- *Đối với 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh C và bà Thái Thị K giao cho ông Nguyễn Minh L, bà Bùi Thị B được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn, số lượng, kiểu và công suất máy chính: Cummins, N_o: 11019592; 400,0 CV, công dụng: Chở hàng khô hiện do ông Nguyễn Minh C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0038/ĐK.2022 được Sở Giao thông Vận tải tỉnh V cấp ngày 16/02/2022, số sê ri: VL000783;

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D giao cho ông Nguyễn Minh L, bà Bùi Thị B 01 chiếc xà lan số đăng ký VL-11644 có trọng tải 728,50 tấn, số lượng, kiểu và công suất máy chính: Cummins, N_o: 11019592; 400,0 CV, công dụng: Chở hàng khô hiện do ông Nguyễn Minh C đứng tên giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0038/ĐK.2022 được Sở Giao thông Vận tải tỉnh V cấp ngày 16/02/2022, số sê ri: VL000783.

Ông Nguyễn Minh L và bà Bùi Thị B có nghĩa vụ kê khai đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Minh C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thái Thị K giá trị căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 295 và giá trị chiếc xà lan nêu trên với số tiền bằng 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đối với số tiền gửi tiết kiệm (nếu có và còn theo tranh chấp bằng 5.070.000.000 đồng), ông Nguyễn Minh C giao cho bà Thái Thị K được hưởng toàn bộ, không còn quyền tranh chấp nữa.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc bà Thái Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (ly hôn) bằng 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch về chia tài sản chung bằng 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012254 ngày 15/11/2023 và số tiền 56.093.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012255 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực X – Vĩnh Long), cho nên bà Thái Thị K phải nộp tiếp số tiền bằng 15.907.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng), nộp tại cơ quan thi hành án dân sự;

- Buộc ông Nguyễn Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (về cấp dưỡng nuôi con) bằng 300.000 đồng và án phí có giá ngạch về chia tài sản chung bằng 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền 41.350.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013054 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X - Vĩnh Long), cho nên ông Nguyễn Minh C phải nộp tiếp số tiền 30.950.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại cơ quan thi hành án dân sự.

4. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Buộc ông Nguyễn Minh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005695 ngày 02/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X - Vĩnh Long); bà Thái Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị sửa đổi bổ sung; không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực X – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực X – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu